

KẾ HOẠCH

Về việc triển khai thực hiện Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Triển khai Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phù hợp với Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam và điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của tỉnh;

Khai thác hiệu quả lợi thế, tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh; tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Yêu cầu

Thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 theo đúng mục tiêu, quan điểm được phê duyệt; đồng thời đạt được các kết quả, mục tiêu của Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, nội dung cần thực hiện để phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh an toàn, bền vững.

Phân công, quy định trách nhiệm cụ thể cho các Sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác triển khai, thực hiện Kế hoạch.

Đến năm 2025, đảm bảo nguồn con giống chất lượng phục vụ nuôi trồng thủy sản; nâng cao năng suất, sản lượng nuôi trồng thủy sản; hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, các chuỗi liên kết sản xuất thủy sản; đa dạng hóa các phương thức, đối tượng nuôi trồng thủy sản; đảm bảo an toàn thực phẩm; tạo ra sản lượng hàng hóa lớn cung ứng cho nhu cầu tiêu thụ trong nước và phục vụ xuất khẩu.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Sản xuất giống

Chủ động nguồn giống tại chỗ đáp ứng nhu cầu con giống phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2025, sản xuất cá bột đạt 2.150 triệu con, cá giống đạt 91,33 triệu con.

Nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất giống thủy sản phù hợp với yêu cầu địa phương.

Bổ sung, thay thế đàn cá bố mẹ hiện có, nhập đàn cá bố mẹ các loài nuôi mới, đảm bảo chất lượng đàn cá bố mẹ phục vụ sản xuất giống thủy sản.

Giống thủy sản phục vụ nuôi trồng thủy sản, bổ sung nguồn lợi thủy sản phải đảm bảo chất lượng, được sản xuất, ương dưỡng từ các cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; đảm bảo sản lượng và đa dạng đối tượng giống thủy sản phục vụ nuôi trồng thủy sản.

2. Nuôi trồng thủy sản

Phát triển nuôi trồng thủy sản các đối tượng thủy sản nuôi chủ lực của tỉnh, có giá trị kinh tế cao gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

Khai thác hiệu quả diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản ao, hồ chứa thủy lợi, hồ chứa thủy điện và trên sông. Phát triển nghề nuôi cá hồ chứa, nuôi lồng bè an toàn, bền vững.

Hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung nhằm sản xuất hàng hóa lớn, cung cấp nguyên liệu phục vụ chế biến, tiêu dùng và xuất khẩu; hình thành các chuỗi sản xuất liên kết gia tăng giá trị sản phẩm thủy sản nuôi.

Xây dựng, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX, tổ hợp tác nuôi trồng thủy sản; tăng số lượng doanh nghiệp sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng các mô hình nuôi trồng thủy sản áp dụng quy trình nuôi trồng thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP, thủy sản hữu cơ; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất thủy sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng, giảm chi phí sản xuất, giảm tồn thất sau thu hoạch và phát triển bền vững ngành thủy sản (*theo Quyết định số 1095/QĐ-BNN-TCTS ngày 15/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành thủy sản giai đoạn 2021-2025*).

Phát triển nuôi trồng thủy sản cá nước lạnh những vùng có đủ điều kiện nguồn nước, nhiệt độ, khí hậu thích hợp với các loài cá nước lạnh (*cá tầm, cá hồi*) nhằm tạo sản lượng lớn, tập trung để cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và tham gia thị trường xuất khẩu các sản phẩm từ cá nước lạnh (*theo Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển cá nước lạnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025*).

Thực hiện công tác quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất, kịp thời cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp xử lý, phòng ngừa khi môi trường thủy sản mất an toàn, giảm thiểu thiệt hại do môi trường gây ra, hướng đến phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, hiệu quả (*theo Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*).

Thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh thủy sản, các biện pháp giảm thiểu rủi ro, thiệt hại trong sản xuất thủy sản do biến đổi khí hậu, thiên tai.

2.1. Diện tích

Tận dụng diện tích mặt nước các thủy vực sông, hồ chứa thủy lợi, hồ chứa thủy điện, ao, hồ để đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản. Giảm dần diện tích nuôi cá truyền thống, tăng diện tích các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế, cá nước lạnh, diện tích ương san cá giống. Tăng diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh nhằm gia tăng năng suất, sản lượng tạo ra sản lượng hàng hóa lớn.

Đến năm 2025, diện tích mặt nước đưa vào nuôi trồng thủy sản ước đạt 16.500 ha, trong đó: ao hồ nhỏ đạt 3.500 ha; ruộng trũng đạt 200 ha; hồ chứa, sông đạt 12.800 ha; đến năm 2030, diện tích mặt nước đưa vào nuôi trồng thủy sản ước đạt 18.000 ha, trong đó: ao hồ nhỏ đạt 4.472 ha; ruộng trũng đạt 170 ha; hồ chứa, sông đạt 13.358 ha.

2.2. Sản lượng

Đến năm 2025, sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 29.742 tấn, trong đó: ao hồ nhỏ đạt 16.770 tấn; ruộng trũng đạt 322 tấn; hồ chứa, sông đạt 12.650 tấn. Đến năm 2030, sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 36.100 tấn, trong đó: ao hồ nhỏ đạt 19.180 tấn; ruộng trũng đạt 351 tấn; hồ chứa, sông đạt 16.569 tấn.

2.3. Phát triển các loại hình nuôi trồng thủy sản

2.3.1. Ao, hồ nhỏ

Phát triển nuôi trồng thủy sản trong ao, hồ nhỏ theo hướng sản xuất hàng hóa; nâng cao chất lượng cơ sở vật chất hệ thống ao, hồ nhỏ nhằm khai thác hiệu quả diện tích mặt nước ao, hồ nhỏ nuôi trồng thủy sản.

Chuyển đổi hình thức nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến sang hình thức nuôi thâm canh, bán thâm canh; chuyển đổi các loài thủy sản nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên; đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, áp dụng quy trình nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP, thủy sản hữu cơ nhằm gia tăng năng suất, sản lượng và hiệu quả kinh tế nuôi trồng thủy sản trong ao, hồ nhỏ.

Hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung nhằm kiểm soát chất lượng đầu vào, thực hiện tốt quy trình nuôi, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm tạo ra sản lượng hàng hóa lớn cung cấp cho thị trường tiêu thụ, cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến và phục vụ xuất khẩu.

2.3.2. Hồ chứa, sông

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nghề cá hồ chứa, nuôi trồng thủy sản lồng bè trên hồ chứa, sông nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước phát triển nuôi trồng thủy sản, tạo thu nhập, việc làm cho lao động địa phương.

a) Nuôi cá hồ chứa:

Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nuôi cá hồ chứa trên địa bàn tỉnh phải được cấp Giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi công trình thủy lợi, thủy điện; xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè và tuân thủ các quy định khác theo quy định hiện hành.

Nâng cao hiệu quả sản xuất đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản quảng canh trong hồ chứa thủy lợi, xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên và công năng khác của hồ, có kế hoạch thả giống và thu hoạch hợp lý. Ưu tiên lựa chọn các loài thủy sản nuôi truyền thống làm chính sử dụng nguồn thức ăn sẵn có trong hồ như: Cá trắm cỏ, cá trôi, cá mè, cá chép ... kết hợp thả nuôi ghép các loài thủy sản có giá trị kinh tế, các loài thủy sản bản địa có giá trị kinh tế như: Cá rô phi, cá bống tượng, cá lóc, cá lăng đuôi đỏ, cá chình ... thực hiện tốt công tác quản lý thủy sản nuôi và bảo vệ công trình hồ chứa theo quy định.

Phát triển nuôi trồng thủy sản lồng bè trên các hồ chứa thủy lợi, thủy điện có diện tích mặt nước lớn. Ưu tiên lựa chọn các loài thủy sản nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với hình thức nuôi thâm canh, bán thâm canh như: Cá tầm, cá rô phi đơn tính, cá diêu hồng, cá trắm cỏ, cá lăng đuôi đỏ, cá chình, cá lóc ...

b) Nuôi lồng bè trên sông:

Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nuôi lồng bè trên sông phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép, thực hiện đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè và tuân thủ các quy định khác theo quy định hiện hành.

Phát triển nuôi trồng thủy sản lồng bè trên các sông Srêpôk, sông Krông Ana, sông Krông Nô. Ưu tiên lựa chọn các loài thủy sản nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với hình thức nuôi thâm canh, bán thâm canh như: Cá rô phi, cá diêu hồng, cá trắm cỏ, cá lăng đuôi đỏ, cá chình, cá lóc ... Hình thành các vùng nuôi lồng bè tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa cung cấp nguyên liệu phục vụ chế biến, tiêu dùng và xuất khẩu.

2.3.3. Phát triển nuôi ruộng trũng

Tận dụng diện tích đất ruộng trũng trồng lúa một vụ, các vùng đất ngập nước để phát triển nuôi trồng thủy sản với các loài thủy sản nuôi phù hợp như: Cá rô đồng, cá chạch bùn, cá lóc, tôm càng xanh, cua đồng ...

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thông tin, tuyên truyền

Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản QPPL, văn bản chỉ đạo điều hành, cơ chế, chính sách của các cấp, ngành và các tiến bộ khoa học kỹ thuật, mô hình mới trong lĩnh vực thủy sản đến các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên môn cấp huyện, xã để phối hợp thực hiện và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh được biết để thực hiện.

Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền như: Hội nghị, hội thảo, tập huấn, tờ rơi, pano, phóng sự, bản tin ... kết hợp có hiệu quả với các phương tiện thông tin đại chúng phát thanh, truyền hình, website ...

2. Ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển nuôi trồng thủy sản

Ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, công nghệ số để nâng cao năng lực quản lý ngành, đào tạo nguồn nhân lực và phát triển thủy sản.

Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực đầu tư cho hoạt động chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và chuyển giao công nghệ vào sản xuất.

Trong giai đoạn 2021-2025, ưu tiên thực hiện các chương trình, dự án về chuỗi sản xuất thủy sản và khoa học công nghệ sau:

a) Chuỗi sản xuất thủy sản:

Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện các chuỗi sản xuất liên kết tiêu thụ thủy sản với phạm vi thực hiện từ 02 huyện trở lên, gồm: “Chuỗi sản xuất và tiêu thụ cá diêu hồng trên địa bàn tỉnh”, “Chuỗi sản xuất và tiêu thụ cá lăng đuôi đỏ trên địa bàn tỉnh”, “Chuỗi sản xuất và tiêu thụ cá tầm trên địa bàn tỉnh” ...

b) Khoa học công nghệ:

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng “Đề tài nghiên cứu sản xuất giống và nuôi thử nghiệm tôm càng xanh trong ruộng lúa và trong ao trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”; “Đề tài nghiên cứu sản xuất giống và nuôi thử nghiệm cua đồng trong ruộng lúa và trong bể xi măng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”; tăng cường ứng dụng, chuyển giao các công nghệ có hiệu quả kinh tế, đảm bảo về môi trường;

ứng dụng công nghệ mới phát triển các sản phẩm sơ chế, chế biến sâu từ sản phẩm nuôi trồng thủy sản đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và nhân rộng: “Mô hình nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa và trong ao trên địa bàn tỉnh”; “Mô hình nuôi cua đồng trong ruộng lúa và trong bể xi măng trên địa bàn tỉnh”; tập huấn nâng cao trình độ, kỹ thuật cho người dân trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

3. Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng và hậu cần dịch vụ phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản

3.1. Cơ sở hạ tầng:

Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản: Hệ thống giao thông, điện, kênh mương thủy lợi phục vụ vùng nuôi trồng thủy sản ... thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội liên quan từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động đầu tư.

Hoàn thiện hệ thống sản xuất giống thủy sản đảm bảo đáp ứng nhu cầu con giống phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh:

+ Xây dựng Dự án đầu tư nâng cấp Trại giống thủy sản (*Dự án chuyển tiếp đầu tư xây dựng Trung tâm giống thủy sản cấp tỉnh*) thuộc Trung tâm Khuyến nông, giống cây trồng vật nuôi và thủy sản: Hoàn chỉnh xây dựng cơ bản, cơ cấu tổ chức, hoạt động của Trại giống thủy sản nhằm tăng cường công tác nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng các kết quả tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất thủy sản phù hợp với yêu cầu địa phương.

+ Nâng cấp các trại sản xuất nhân tạo giống thủy sản và các trại ương dưỡng giống thủy sản hiện có nhằm khuyến khích các trại sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất, nâng cấp cơ sở vật chất nhằm khai thác hiệu quả công suất sản xuất của từng trại, phát triển hệ thống sản xuất giống tại các huyện, thị xã, thành phố đáp ứng nhu cầu con giống tại chỗ.

Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản:

+ UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, lồng ghép các dự án đầu tư xây dựng khác nhằm nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tương xứng với tiềm năng, lợi thế vốn có; chuyển đổi đất ruộng trồng lúa, đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả sang đất nuôi trồng thủy sản; hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung (*gồm vùng nuôi trồng thủy sản trong ao, hồ nhỏ; vùng nuôi trồng thủy sản lồng bè trên sông*) nhằm kiểm soát chất lượng đầu vào, thực hiện tốt quy trình nuôi, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm tạo ra sản lượng hàng hóa lớn cung cấp cho thị trường tiêu thụ, cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến và phục vụ xuất khẩu.

+ Khuyến khích các cơ sở nuôi trồng thủy sản đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất, nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư hệ thống lồng, bè nuôi trồng thủy sản đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Xây dựng các dự án hỗ trợ phát triển vùng nuôi trồng thủy sản, gồm:

+ Dự án hỗ trợ chuyển đổi đất ruộng trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, liên hệ đề xuất với Tổng cục Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ xây dựng dự án, mô hình (*con giống, vật tư*) nuôi trồng thủy sản chuyển đổi từ đất ruộng trồng lúa sang từ nguồn kinh phí

Trung ương; phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành liên quan hỗ trợ một phần nguồn giống thủy sản, thức ăn và các vật tư khác từ nguồn kinh phí địa phương nhằm khuyến khích người dân tận dụng diện tích đất ruộng trồng lúa một vụ kém hiệu quả, các vùng đất ngập nước để phát triển nuôi trồng thủy sản, nâng cao sinh kế cho người dân.

+ Dự án nuôi cá nước ngọt trong lồng trên hồ chứa: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Dự án nuôi cá nước ngọt bằng lồng trên hồ chứa thủy lợi, thủy điện có diện tích mặt nước lớn nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước phát triển nuôi trồng thủy sản, tạo thu nhập, việc làm cho lao động địa phương.

3.2. Giống thủy sản:

Xây dựng dự án nâng cao chất lượng đàn cá bố mẹ nhằm đảm bảo chất lượng đàn cá bố mẹ phục vụ sản xuất giống thủy sản, tránh hiện tượng thoái hóa giống ảnh hưởng đến chất lượng, sản lượng vụ nuôi, cụ thể:

+ Thay thế đàn cá bố mẹ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất với Tổng cục Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ kinh phí mua giống thủy sản bố mẹ để thay thế đàn cá bố mẹ hiện có tại các trại sản xuất giống nhân tạo trên địa bàn tỉnh;

+ Bổ sung đàn cá bố mẹ: Khuyến khích các trại sản xuất giống thủy sản chủ động đầu tư thay thế, bổ sung định kỳ đàn cá bố mẹ đảm bảo thời hạn sử dụng theo quy định, nhập con giống thủy sản bố mẹ đối với các loài nuôi mới có giá trị kinh tế; hướng dẫn, hỗ trợ các trại sản xuất giống thủy sản hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết nếu có nhu cầu vay vốn đầu tư từ hệ thống ngân hàng để thay thế, bổ sung đàn cá bố mẹ theo quy định.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản, chất lượng giống thủy sản; kiểm soát nguồn cá giống nhập vào từ các địa phương khác nhằm hạn chế nguy cơ con giống kém chất lượng, không rõ nguồn gốc ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng vụ nuôi; hướng dẫn các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản xây dựng kế hoạch sản xuất giống từng năm phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế.

3.3. Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh; đảm bảo sản lượng hàng hóa phục vụ nuôi trồng thủy sản. Đồng thời, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tận dụng các nguồn thức ăn tự nhiên, phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho các loài thủy sản nuôi phù hợp.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động phối hợp với các Trường, Viện nghiên cứu, doanh nghiệp, đơn vị có chức năng nghiên cứu, chuyên gia để thử nghiệm và sản xuất thức ăn thủy sản có chất lượng và giá thành hợp lý. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, thu mẫu giám sát chất lượng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

3.4. Chế biến thủy sản

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng nhà máy, cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản đông lạnh trên địa bàn tỉnh. Hình thành các chuỗi liên kết sản xuất gia tăng giá trị nuôi trồng thủy sản gắn với chế biến, tiêu thụ sản

phẩm. Nâng cao hiệu quả thu hoạch và bảo quản, vận chuyển sau thu hoạch đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản nuôi.

Phát triển các sản phẩm mới được sơ chế, chế biến từ thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh đáp ứng thị hiếu, nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

3.5. Quản lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Xây dựng các Dự án điều tra, đánh giá môi trường trong hoạt động sản xuất thủy sản nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, hiệu quả, cụ thể:

- Dự án điều tra hiện trạng môi trường khu vực nuôi trồng thủy sản trọng điểm của tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện dự án Điều tra hiện trạng môi trường khu vực nuôi trồng thủy sản trọng điểm tại các huyện Krông Pắc, Ea Kar, Lắk, Buôn Đôn, Krông Ana..., Tp. Buôn Ma Thuột, đánh giá nguy cơ mức độ ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động nuôi trồng thủy sản và tác động đến môi trường từ hoạt động nuôi trồng thủy sản.

- Dự án điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, liên hệ đề xuất với Tổng cục Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ nguồn kinh phí Trung ương; tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện Dự án điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ nguồn kinh phí địa phương.

- Dự án quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường nuôi trồng thủy sản: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện tại vùng quan trắc và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và hội nhập quốc tế

Phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước qua hệ thống siêu thị, cửa hàng thủy sản tươi sống, nhà hàng...; Phát triển thị trường xuất khẩu, dự báo nhu cầu và diễn biến thị trường cho doanh nghiệp và người sản xuất về giá cả, nhu cầu tiêu thụ, biến động thị trường và yêu cầu của thị trường nhập khẩu.

Thực hiện việc truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu các sản phẩm thủy sản có lợi thế cạnh tranh cao.

Xây dựng chính sách tạo nguồn lực cho các Hiệp hội ngành hàng xây dựng, phát triển thị trường, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

Tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế trong công tác đào tạo, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ số.

5. Phát triển nguồn nhân lực và khuyến ngư

Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn sâu trong các lĩnh vực về quản lý, nghiên cứu, sản xuất thủy sản.

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong ngành thủy sản; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành thủy sản.

Áp dụng có hiệu quả hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình quản lý trong lĩnh vực thủy sản.

Xây dựng dự án chuyển đổi cơ cấu nghề: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động liên hệ, đề xuất với Tổng cục Thủy sản, Cục Kinh tế hợp tác và

Phát triển nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu nghề từ nguồn kinh phí Trung ương; phối hợp với các Sở, ngành, các Trường, các tổ chức có chức năng đào tạo triển khai thực hiện đào tạo các nghề trình độ sơ cấp cho lao động trong lĩnh vực nuôi trồng, ương dưỡng giống thủy sản từ nguồn kinh phí địa phương; khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ kỹ thuật cho người lao động.

6. Cơ chế chính sách

Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tỉnh đã được ban hành.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh như: chính sách về đất và mặt nước (*giao, cho thuê đất, mặt nước để nuôi trồng thủy sản*); chính sách tài chính và tín dụng (*ưu đãi thuế, phí đối với các hoạt động trong các lĩnh vực của ngành thủy sản; vay vốn tín dụng đầu tư phát triển*); chính sách thương mại (*xuất, nhập khẩu nguyên vật liệu; thủy sản, sản phẩm thủy sản; truy xuất nguồn gốc*).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch là 47.400 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách: 38.500 triệu đồng (Trung ương: 27.870 triệu đồng, Địa phương: 10.630 triệu đồng)

- Nguồn vốn khác: 8.900 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết đính kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

Phân giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trực thuộc tham mưu xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu kèm theo Kế hoạch này.

Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn từng huyện, thị xã, thành phố nhằm thực hiện hiệu quả các nội dung của Kế hoạch này.

Tổng hợp kết quả thực hiện hàng năm của các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo UBND tỉnh; Đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phù hợp với nhu cầu, tình hình thực tế.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và đơn vị liên quan xác định danh mục dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan rà soát các dự án cần thiết để tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn sự nghiệp

để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu phát triển thủy sản, đề tài ứng dụng khoa học công nghệ vào nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, chủ trì nhân rộng các mô hình kết quả của các đề tài khoa học công nghệ.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai xây dựng “Đề tài nghiên cứu sản xuất giống và nuôi thử nghiệm tôm càng xanh trong ruộng lúa và trong ao trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”; “Đề tài nghiên cứu sản xuất giống và nuôi thử nghiệm cua đồng trong ruộng lúa và trong bể xi măng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk” từ năm 2022-2024.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố xây dựng cơ chế, chính sách sử dụng đất và mặt nước trong các hoạt động sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thực hiện việc giao, cho thuê đất có mặt nước (*đặc biệt mặt nước ở các sông*) để nuôi trồng thủy sản theo thẩm quyền quy định.

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản thực hiện đảm bảo các trình tự, thủ tục giao, cho thuê đất có mặt nước (*đặc biệt mặt nước ở các sông*) để nuôi trồng thủy sản theo đúng quy định của pháp luật.

6. Sở Công thương

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại, thông tin thị trường, hỗ trợ quảng bá sản phẩm thủy sản chất lượng trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường đôn đốc, kiểm tra các đơn vị quản lý Công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh đảm bảo an toàn hồ đập. Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, tạo điều kiện cho các hộ dân được nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện đảm bảo theo quy định.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí địa phương; Trung tâm quản lý Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin và Đài Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thị xã, thành phố tích cực phối hợp với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đưa tin các mô hình điển hình, tiên tiến, các chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. Cục Thống kê tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành liên quan xác định các nội dung, tiêu chí và chỉ số giám sát đánh giá kết quả hoạt động thủy sản của tỉnh.

9. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đắk Lắk

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng để phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Xây dựng kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 phù hợp với tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản; bố trí nguồn lực thực hiện đảm bảo kế hoạch đề ra.

Hình thành các chuỗi liên kết sản xuất gia tăng giá trị nuôi trồng thủy sản gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn quản lý.

Xây dựng các mô hình nuôi trồng thủy sản ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, áp dụng quy trình nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP, thủy sản hữu cơ, nuôi thử nghiệm các đối tượng thủy sản nuôi mới trên địa bàn quản lý.

Kêu gọi đầu tư phát triển sản xuất thủy sản trên địa bàn quản lý; hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất thủy sản thực hiện các thủ tục pháp lý đảm bảo quy định của pháp luật.

Phối hợp với các Sở, ngành thực hiện các nội dung kế hoạch này.

Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất thủy sản; báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, kết quả sản xuất thủy sản định kỳ hàng năm và khi có yêu cầu về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

11. Các tổ chức, cá nhân sản xuất thủy sản

Đẩy mạnh phát triển sản xuất thủy sản, ứng dụng khoa học công nghệ, tham gia các chuỗi liên kết sản xuất gia tăng giá trị nuôi trồng thủy sản; đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và các quy định pháp luật khác.

Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sản xuất; bổ sung, thay thế đàn cá bố mẹ đảm bảo chất lượng đưa vào sinh sản nhân tạo.

Phối hợp với cơ quan quản lý thủy sản các cấp triển khai thực hiện các chương trình, hoạt động phát triển thủy sản, phòng chống thiên tai dịch bệnh, quản lý môi trường nuôi và báo cáo tình hình sản xuất thủy sản theo yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy sản (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh (Đ/c Dững);
- Lưu: VT, NNMT (V- 25b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Y Giang Gry Niê Knong

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỀ TÀI, DỰ ÁN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Kinh phí thực hiện kế hoạch (Triệu đồng)				Thời gian thực hiện
				Tổng	NS trung ương	NS địa phương	Nguồn khác	
1	Dự án hỗ trợ đầu tư nâng cấp Trại giống thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các tổ chức, cá nhân có liên quan	25.000	22.500	2.500	-	2021-2025
2	Dự án nâng cao chất lượng đàn cá bố mẹ			850	360	-	490	
2.1	Thay thế đàn cá bố mẹ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các tổ chức, cá nhân có liên quan	600	360	-	240	2022-2023
2.2	Bổ sung đàn cá bố mẹ	Cơ sở sản xuất giống; Các tổ chức NGO	Sở Nông nghiệp và PTNT	250	-	-	250	Hàng năm
3	Các dự án chuỗi sản xuất thủy sản; khoa học và công nghệ			11.350	2.990	2.880	5.480	
3.1	Xây dựng phát triển chuỗi cá điêu hồng trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các tổ chức, cá nhân có liên quan	3.000	1.500	-	1.500	2021-2025
3.2	Xây dựng chuỗi sản xuất cá lăng đuôi đỏ trên địa bàn tỉnh			1.600	640	480	480	2021-2025
3.3	Xây dựng chuỗi sản xuất cá tầm trên địa bàn tỉnh			1.000	600	-	400	2021-2025

3.4	Nghiên cứu sản xuất giống và nuôi thử nghiệm tôm càng xanh, cua đồng trong ruộng lúa và trong ao tại Đắc Lắc	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức, cá nhân có liên quan	1.500	-	600	900	2022-2024
3.5	Xây dựng, nhân rộng mô hình nuôi tôm càng xanh, cua đồng trong ruộng lúa và trong ao trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các tổ chức, cá nhân có liên quan	2.000	-	800	1.200	2022-2025
3.6	Tập huấn kỹ thuật nâng cao trình độ nuôi trồng thủy sản			2.250	250	1.000	1.000	Hàng năm
4	Dự án hỗ trợ phát triển vùng nuôi trồng thủy sản			3.500	520	1.050	1.930	
4.1	Dự án hỗ trợ chuyển đổi đất ruộng trồng sang nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các tổ chức, cá nhân có liên quan	2.600	520	780	1300	2021-2025
4.2	Dự án nuôi cá nước ngọt trong lồng trên hồ chứa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các tổ chức, cá nhân có liên quan	900	-	270	630	2022-2023
5	Dự án chuyển đổi cơ cấu nghề	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các tổ chức, cá nhân có liên quan	2.500	500	1.000	1.000	2022-2025
6	Dự án điều tra, đánh giá môi trường trong hoạt động sản xuất thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các tổ chức, cá nhân có liên quan	4.200	1.000	3.200	-	
6.1	Điều tra hiện trạng môi trường khu vực nuôi trồng thủy sản trọng điểm của tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các tổ chức, cá nhân có liên quan	1.200		1.200	-	2022-2025

6.2	Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk			2.000	800	1.200	-	2022-2025
6.3	Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường nuôi trồng thủy sản			1.000	200	800	-	Hàng năm
Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2025				47.400	27.870	10.630	8.900	